TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa, bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thâm tra viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc *"chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Tô Văn Ch, sinh năm 1961, có mặt

Nơi cư trú: Thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

2. ***Bị đơn:*** Bà Ma Thị S, sinh năm 1960, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Tô Văn Quy, sinh năm 1985, vắng mặt

3.2. Chị Nguyễn Thị Tịnh, sinh năm 1987, vắng mặt

3.3. Anh Tô Văn Chung, sinh năm 1987, vắng mặt

3.4. Chị Hồ Thị Hằng, sinh năm 1995, vắng mặt

Đều cư trú tại: Thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2020 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Tô Văn Ch trình bày:

Ông và bà Ma Thị S vốn là vợ chồng hợp pháp, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng nên đã làm thủ tục ly hôn. Tại Bản án số: 38/2016/HNGĐ-PT ngày

08/12/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xử cho ông được ly hôn với bà Ma Thị S. Về con chung (tại thời điểm lý hôn, đã khôn lớn trưởng thành), tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: do ông và bà S không yêu cầu, nên Toà án chưa giải giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà S có những tài sản chung như sau:

- Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 10 diện tích 162m^2 (đất ở, hiện đo đạc thực tế là 198m2) tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường; đất có nguồn gốc do bố mẹ ông cho vợ chồng; đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/11/2001. Tài sản trên đất gồm:

01 ngôi nhà cấp IV (xây năm 1996), 01 gian chăn nuôi + nhà vệ sinh, 02 đoạn tường xây bao loan, 01 bộ cổng sắt (02 cánh), 01 gian để bồn nước + 01 bồn nước, 01 sân gạch.

- Tài sản thứ hai: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 10 diện tích 144m^2 (40m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn; hiện đo đạc thực tế là 166,8m2) tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường; đất có nguồn gốc do bố mẹ ông cho vợ chồng; đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/11/2001. Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp IV (xây năm 2002), 01 gian chăn nuôi (chuồng nuôi Chó), 01 cây hương, 02 trụ cổng, 01 sân lát gạch, 02 đoạn tường bao loan.

Mặc dù hiện nay số liệu diện tích các thửa đất có khác biệt so với GCNQSDĐ (lớn hơn), nhưng ông Ch xác định các thửa đất không có thay đổi về hình thể, các chiều tiếp giáp không tranh chấp. Ông xác định số liệu diện tích đo đạc thực tế là của vợ chồng, yêu cầu phân chia theo diện tích đo đạc hiện nay.

Đối với thửa đất diện 240m2 và ngôi nhà 02 tầng trên đất: quá trình giải quyết vụ án ông yêu cầu chia, nhưng thực tế ông và bà S đã cho vợ chồng người con lớn là anh Tô Văn Quy. Do vậy, ông đã có văn bản xin rút yêu cầu và không yêu cầu phân chia tài sản này.

Nay ông khởi kiện và đề nghị Toà án xem xét, giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa ông và bà S, cụ thể:

- Chia cho ông quản lý, sử dụng, sở hữu: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 10 diện tích 144m^2 (40m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn; hiện đo đạc thực tế là 166,8m2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Chia cho bà S quản lý, sử dụng, sở hữu: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 10 diện tích 162m^2 (đất ở, hiện đo đạc thực tế là 198m2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Ông Ch không yêu cầu bà S phải thanh toán chênh lệch cho ông.

- Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về chi phí tố tụng: Ông đã nộp chi phí xem xét thẩm định, định giá, đo đạc. Ông tự nguyện chịu nộp, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: cả ông và bà S đều đã trên 60 tuổi, điều kiện kinh tế khó khăn, không có lương, thu nhập thấp, xin được miễn án phí sơ thẩm.

Bị đơn là bà Ma Thị S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản lời khai ngày 14/7/2022, trình bày:

Bà thừa nhận tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông Ch trong thời kỳ hôn nhân như ông Ch trình bày là đúng. Đối với hai thửa đất này cùng các công trình có trên đất là tài sản chung của bà và ông Ch, không liên quan đến các con hay ai khác. Nay ông Ch khởi kiện đề nghị phân chia tài sản chung, quan điểm của bà không đồng ý. Vì bà và ông Ch đã tự thỏa thuận phân chia tài sản với nhau theo ngày 04/7/2016 với nội dung cơ bản là khi ông bà chết đi thì sẽ chia tài sản cho các con; các con phải ngoan ngoãn, không được hỗn láo với bố mẹ.. (các bên tự phân chia).

Về tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà S xin được miễn án phí sơ thẩm.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng anh Tô Văn Quy, chị Nguyễn Thị Tịnh; vợ chồng anh Tô Văn Chung, chị Hồ Thị Hằng trình bày: Các anh chị xác nhận khối tài sản chung của ông Ch, bà S như ông Ch trình bày là đúng. Đối với toàn bộ diện tích của hai thửa đất và các công trình có trên đất, anh chị thừa nhận đây đều là tài sản của ông Ch, bà S, vợ chồng anh chị không có đóng góp, quyền lợi hay liên quan gì.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là ông Ch đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa sơ thẩm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí Toà án

- Chấp nhận yêu cầu của ông Tô Văn Ch về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

- Chia cho ông quản lý, sử dụng, sở hữu: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 10 diện tích 144m^2 (40m^2 đất ở và 100m^2 đất vườn; hiện đo đạc thực tế là 166,8m2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Chia cho bà S quản lý, sử dụng, sở hữu: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 10 diện tích 162m^2 (đất ở, hiện đo đạc thực tế là 198m2) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

- Bà S không phải thanh toán chênh lệch cho ông Ch.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho các bên đương sự (đều đã trên 60 tuổi, có yêu cầu xin được miễn án phí).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Ch khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn với bà S; bị đơn và tài sản yêu cầu phân chia có địa chỉ tại xã KX, huyện Vĩnh Tường; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân

dân huyện Vĩnh Tường theo qui định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là bà Ma Thị S; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tô Văn Quy, anh Tô Văn Chung, chị Nguyễn Thị Tịnh, chị Hồ Thị Hằng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Tài sản mà các đương sự đề nghị phân chia là các thửa đất số 109 và 123 tờ bản đồ số 10, tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường. Theo GCNQSDĐ lần lượt có diện tích là 162m2 và 144m2; theo kết quả đo đạc mới nhất là 198m2 và 166,8m2. Tuy có khác biệt về số liệu diện tích đất, nhưng thửa đất được các bên sử dụng từ trước những năm 1980, từ đó đến nay không có thay đổi về hình thể thửa đất, số liệu diện tích các cạnh, không có tranh chấp với các hộ liền kề, được địa phương xác nhận. Do vậy, HĐXX xác định số liệu diện tích 198m2 và 166,8m2 để giải quyết vụ án.

2.2. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thỏa thuận được khối tài sản chung, nhưng không thỏa thuận được việc phân chia và trị giá tài sản. HĐXX căn cứ giá trị tài sản do hội đồng định giá tài sản cung cấp để xác định tài sản và giá trị của tài sản như sau:

- Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 10 diện tích 198m^2 (162 m2 đất ở; 36m2 đất chưa được cấp GCNQSDD), tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường; đất có nguồn gốc do bố mẹ ông Ch cho vợ chồng; đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/11/2001. Đất trị giá 1.000.000đ/01m2 nên trị giá của thửa đất là 198.000.000đ.

Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp IV (xây năm 1996) trị giá 30.000.000đ, 01 gian chăn nuôi + nhà vệ sinh trị giá 2.000.000đ, 02 đoạn tường xây bao loan trị giá 1.400.000đ, 01 bộ cổng sắt (02 cánh) trị giá 1.000.000đ, 01 gian để bồn nước + 01 bồn nước trị giá 3.750.000đ, 01 sân gạch trị giá 1.000.000đ.

Tổng tài sản trị giá: 237.150.000đ.

- Tài sản thứ hai: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 10 diện tích 166,8m^2 (40m^2 đất ở và 104m^2 đất vườn; 22,8m2 đất chưa được cấp GCNQSDĐ) tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường; đất có nguồn gốc do bố mẹ ông Ch cho vợ chồng; đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/11/2001. Đất trị giá 1.000.000đ/01m2 nên trị giá của thửa đất là 166.800.000đ.

Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp IV (xây năm 2002) trị giá 35.000.000đ, 01 gian chăn nuôi (chuồng nuôi Chó) trị giá 1.000.000đ, 02 trụ cổng trị giá 1.000.000đ, 02 đoạn tường bao loan 1.200.000đ.

Tổng tài sản trị giá: 205.000.000đ.

- Trên 02 thửa đất nêu trên cón có 01 số công trình xây dựng đã cũ, hỏng, không có giá trị sử dụng; 01 số cây cối giá trị thấp. Các bên không yêu cầu định

giá, giải quyết nên HĐXX không xem xét phân chia. Tài sản thuộc thửa đất nào, giao cho ai sử dụng thì người đó sở hữu, không phải thanh toán chênh lệch cho bên còn lại.

- Đối với thửa đất có diện tích 240m2, trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng; ông Ch và bà S đã cho người con trai lớn là Tô Văn Quy; các bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.3. Xét việc các bên đã ly hôn, không sinh sống cùng nhau, cần phân chia tài sản cho các bên đương sự để có nơi sinh sống. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Tại phiên tòa, ông Ch tự nguyện xin sử dụng tài sản là thửa đất số 123 tờ bản đồ 10 và tài sản trên đất có giá trị thấp hơn của bà S, và ông cũng không yêu cầu bà S phải thanh toán chênh lệch cho mình; xét yêu cầu của ông Ch là tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

2.4. Về tài sản riêng, công nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: ông Ch đã nộp chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, chi phí đo đạc; ông tự nguyện chịu nộp, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các bên đương sự đều đã trên 60 tuổi, có yêu cầu xin được miễn án phí nên được HĐXX chấp nhận; cần trả lại cho ông Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí Toà án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn Ch đối với bà Ma Thị S về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

1.1. Chia cho ông Tô Văn Ch quản lý, sử dụng: Thửa đất số 123 tờ bản đồ số 10 diện tích 166,8m^2 (40m^2 đất ở; 104m^2 đất vườn và 22,8m2 đất chưa được cấp GCNQSDĐ) tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường; đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/11/2001, số 01142 QSDĐ/723 QĐUB, do UBND huyện Vĩnh Tường cấp. Thửa đất trị giá 166.800.000đ.

(theo bản đồ VN 2000 là thửa 210 tờ bản đồ 36; có sơ đồ đất kèm theo)

Ông Ch được quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, cây cối trên đất, trong đó có: 01 ngôi nhà cấp IV (xây năm 2002) trị giá 35.000.000đ, 01 gian chăn nuôi (chuồng nuôi Chó) trị giá 1.000.000đ, 02 trụ cổng trị giá 1.000.000đ, 02 đoạn tường bao loan 1.200.000đ.

Tổng tài sản chia cho ông Ch trị giá: 205.000.000đ.

1.2. Chia cho bà Ma Thị S quản lý, sử dụng: Thửa đất số 109, tờ bản đồ số 10 diện tích 198m^2 (162m2 đất ở và 36m2 đất chưa được cấp GCNQSDĐ) tại thôn HC, xã KX, huyện Vĩnh Tường; đã được cấp GCNQSDĐ ngày 12/11/2001, số 01142 QSDĐ/723 QĐUB, do UBND huyện Vĩnh Tường cấp. Thửa đất trị giá 198.000.000đ.

(theo bản đồ VN 2000 là thửa 161 tờ bản đồ 36; có sơ đồ đất kèm theo)

Bà S được quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, cây cối trên đất, trong đó có: 01 ngôi nhà cấp IV (xây năm 1996) trị giá 30.000.000đ, 01 gian chăn nuôi + nhà vệ sinh trị giá 2.000.000đ, 02 đoạn tường xây bao loan trị giá 1.400.000đ, 01 bộ cổng sắt (02 cánh) trị giá 1.000.000đ, 01 gian để bồn nước + 01 bồn nước trị giá 3.750.000đ, 01 sân gạch trị giá 1.000.000đ.

Tổng tài sản chia cho bà S trị giá: 237.150.000đ.

1.3. Bà S không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Ch.

1.4. Về tài sản riêng, công nợ: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Ma Thị S và ông Tô Văn Ch.

Trả lại cho ông Tô Văn Ch 10.600.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0005164 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Vĩnh Tường;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;*
- *UBND xã KX, Vĩnh Tường;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thành Công